

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/DS-PT
Ngày: 12 - 3 - 2020
V/v: “*Tranh chấp quyền
sử dụng đất*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Luông

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

Ông Nguyễn Hồng Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Ông Trần Vũ Tính - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 10 và ngày 12 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 163/2019/TLPT-DS ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 165/2019/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 02/2020/QĐPT-DS ngày 13 tháng 01 năm 2020 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2020/QĐPT-DS ngày 12 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đoàn Văn P, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Khu vực A, phường B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Thanh B, sinh năm: 1967; Địa chỉ: Khu vực D, phường E, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Đoàn Văn L, sinh năm: 1959

Địa chỉ: Khu vực A, phường B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng F.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồng Minh H. Chức vụ: Giám đốc chi nhánh huyện G.

Địa chỉ: Khu vực D, phường E, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Thanh T. Chức vụ: Phó giám đốc (Văn bản ủy quyền ngày 02/11/2018).

3.3. Đoàn Thị E, sinh năm: 1957.

3.4. Đoàn Thị H, sinh năm: 1952.

3.5. Đoàn Thị Đ, sinh năm: 1948.

3.6. Đoàn Văn T, sinh năm: 1964.

Cùng địa chỉ: Khu vực A, phường B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

3.7. Đoàn Thị C, sinh năm: 1961.

Địa chỉ: Ấp I, xã K, thị xã L, tỉnh Sóc Trăng.

3.8. Đoàn Thị Y, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: Ấp M, xã N, huyện O, tỉnh Hậu Giang.

3.9. Đoàn Văn V (con ông A)

3.10. Đoàn Văn V1 (con ông A)

3.11. Đoàn Ngọc M (con ông A)

3.12. Đoàn Thị T (con ông A)

3.13. Đoàn Thị Bé U (con ông A)

3.14. Đoàn Thị N (con ông A)

3.15. Đồng Thị C (vợ ông A)

Cùng địa chỉ: Khu vực A, phường B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

3.16. Đoàn Thị T (con ông A)

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

3.17. Đoàn Thị P (con ông A)

Địa chỉ: Ấp R, xã N, huyện O, tỉnh Hậu Giang.

Ông Đoàn Văn P, ông Đoàn Văn L, ông Lưu Thanh B, bà Đoàn Thị E, bà Đoàn Thị Đ, ông Đoàn Văn T có mặt.

Bà Đoàn Thị H, bà Đoàn Thị C, bà Đoàn Thị Y, ông Hồng Minh H, ông Dương Thanh T, Đoàn Văn V, Đoàn Văn V1, Đoàn Ngọc M, Đoàn Thị T, Đoàn Thị Bé U, Đoàn Thị N, Đồng Thị C, Đoàn Thị T, Đoàn Thị P có yêu cầu xét xử vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Đoàn Văn P là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/7/2017 quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Lưu Thanh B trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp với ông L là do cha mẹ ông P (đã mất) cho ông P vào năm 1987 ông P sử dụng đến năm 1995 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa 1675 diện tích 2.550m². Cùng năm 1995 ông P cho mẹ ruột là bà Huỳnh Thị T mượn để làm, sau đó bà T cho ông L thuê lại làm với giá 10 gia lúa/năm. Năm 2006 bà T mất thì ông L chiếm và sử dụng cho đến nay, ông P có yêu cầu ông L trả lại nhưng ông L không đồng ý. Do đó ông P yêu cầu ông L trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế diện tích 2.550m².

Tại văn bản ngày 15/01/2018 quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa bị đơn ông Đoàn Văn L trình bày: Ông là anh ruột của ông Đoàn Văn P, nguồn gốc phần đất tranh chấp là của mẹ ông là bà Huỳnh Thị T (đã mất năm 2006), năm 1997 bà T sang lại cho ông 01 công tằm lớn diện tích 1.300m² với giá 06 chỉ vàng 24k, phần còn lại 1.000m² bà T cho ông thuê làm với giá 10 gia lúa/năm, trước khi mất năm 2006 bà T có nói sau khi bà mất ông được canh tác phần đất này để thờ cúng ông ngoại. Ông cho rằng phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông nên ông không đồng ý theo yêu cầu của nguyên đơn, việc ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 ông không biết. Ông yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đã cấp cho ông P tại thửa 1675 và công nhận phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông.

Tại văn bản ngày 05/4/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang, đại diện theo ủy quyền ông Dương Thanh T trình bày: Đối với việc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Hậu Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS01125 cho ông Đoàn Văn P vào ngày 23/01/2018 là đúng trình tự, thủ tục quy định. Ông xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 05/10/2018 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng F - chi nhánh huyện G đại diện theo ủy quyền ông Hồng Minh H trình bày: Vào ngày 05/02/2018 ông Đoàn Văn P có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong đó có phần đất tại thửa 1675 để vay số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình vay ông P thanh toán đầy đủ cho ngân hàng. Ngoài phần đất

tranh chấp ông P vẫn còn tài sản thế chấp khác để trả nợ cho ngân hàng nên ngân hàng không có yêu cầu gì trong việc tranh chấp giữa ông P với ông L và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 17/9/2018 và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Đoàn Văn T trình bày: Ông là em ruột của ông Đoàn Văn L, anh ruột ông Đoàn Văn P. Khi bà T còn sống bà T có sang phần đất 1.300m² cho ông L với giá 06 chỉ vàng 24k, ông trực tiếp thấy ông L giao vàng cho bà T, sau đó bà T gửi vàng cho ông giữ, còn lại 1.000m² bà T cho ông L thuê với giá 10 gia lúa/năm, khi nào bà T mất thì bà T để lại cho ông L canh tác để thờ cúng ông ngoại. Ông khẳng định từ trước đến nay ông P không có sử dụng phần đất tranh chấp. Việc tranh chấp giữa ông P với ông L ông không có yêu cầu gì.

Tại văn bản ngày 17/9/2018 và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Đ trình bày: Bà là chị ruột của ông Đoàn Văn P và Đoàn Văn L. Nguồn gốc phần đất tranh chấp là của bà Huỳnh Thị T, khi bà T còn sống bà T có sang phần đất 1.300m² cho ông L với giá 06 chỉ vàng 24k, việc bà T sang đất cho ông L bà T có nói cho anh em trong gia đình biết còn lại 1.000m² bà T cho ông L thuê với giá 10 gia lúa/năm, khi bà T mất thì ông L tiếp tục sử dụng phần đất này, bà có nghe anh em trong gia đình nói lại phần đất 1.000m² bà T để lại cho ông L canh tác để thờ cúng ông ngoại, bà khẳng định từ trước đến nay ông P không có sử dụng phần đất tranh chấp. Việc tranh chấp giữa ông P với ông L bà không có yêu cầu gì.

Tại văn bản ngày 12/9/2018 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị H trình bày: Bà là chị ruột của ông Đoàn Văn P và Đoàn Văn L. Khi bà T còn sống bà có nghe bà T nói lại có sang phần đất 1.300m² cho ông L với giá 06 chỉ vàng 24k, bà không trực tiếp thấy bà T sang đất cho ông L, phần còn lại 1.000m² bà T có cho ông L hay không thì bà không biết, bà khẳng định từ trước đến nay ông P không có sử dụng phần đất tranh chấp. Việc tranh chấp giữa ông P với ông L bà không có yêu cầu gì và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 12/9/2018 và tại phiên tòa người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị E trình bày: Bà là chị ruột của ông Đoàn Văn P và Đoàn Văn L. Khi bà T còn sống bà T có sang phần đất 1.300m² cho ông L với giá 06 chỉ vàng 24k, việc bà T sang đất cho ông L bà T có nói cho anh em trong gia đình biết, bà chứng kiến ông L giao vàng cho bà T 02 lần, mỗi lần 03 chỉ,

còn lại 1.000m² bà T cho ông L thuê với giá 10 gia lúa/năm, khi bà T mất thì ông L canh tác để thờ cúng ông ngoại. Bà khẳng định từ trước đến nay ông P không có sử dụng phần đất tranh chấp. Bà yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp cho ông L.

Tại văn bản ngày 12/9/2018 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Y trình bày: Bà là chị ruột của ông Đoàn Văn P và Đoàn Văn L. Khi bà T còn sống bà T có sang phần đất 1.300m² cho ông L với giá 06 chỉ vàng 24k, việc bà T sang đất cho ông L bà T có nói cho anh em trong gia đình biết, bà chứng kiến ông L giao vàng cho bà T 02 lần, mỗi lần 03 chỉ, còn lại 1.000m² bà T cho ông L thuê với giá 10 gia lúa/năm, khi bà T mất thì ông L canh tác để thờ cúng ông ngoại. Bà khẳng định từ trước đến nay ông P không có sử dụng phần đất tranh chấp, còn lý do vì sao ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không biết. Bà yêu cầu công nhận phần đất tranh chấp cho ông L và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 19/3/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị C trình bày: Bà là em của ông L, chị của ông P. Khi bà T còn sống bà T có sang phần đất 1.300m² cho ông L với giá 06 chỉ vàng 24k, việc bà T sang đất cho ông L bà T có nói cho anh em trong gia đình biết còn lại 1.000m² bà T cho ông L thuê với giá 10 gia lúa/năm, phần đất 1.000m² bà T có cho ông L hay không thì bà không biết. Bà khẳng định từ trước đến nay ông P không có sử dụng phần đất tranh chấp, còn lý do vì sao ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà không biết. Việc tranh chấp giữa ông P với ông L bà không có yêu cầu gì và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 09/5/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Đồng Thị C trình bày: Bà là vợ ông Đoàn Văn A (đã mất năm 2008) là anh ruột ông Đoàn Văn P và Đoàn Văn L. Việc tranh chấp giữa ông P và ông L bà không biết, bà và ông A đã được bà T cho đất rồi nên bà không có yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp giữa ông P với ông L và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại văn bản ngày 09/5/2019 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Đoàn Văn V, Đoàn Văn V1, Đoàn Ngọc M, Đoàn Thị P, Đoàn Thị T, Đoàn Thị T, Đoàn Thị Bé U, Đoàn Thị N trình bày: Các anh chị là con của ông Đoàn Văn A (đã mất) và bà Đồng Thị C. Việc tranh chấp giữa ông P và ông L các anh chị

không nắm rõ, không có ý kiến, yêu cầu gì và xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 165/2019/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn P về việc yêu cầu ông Đoàn Văn L trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 2.550m².

Không chấp nhận yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của ông Đoàn Văn L (có lược đồ kèm theo).

Ngoài ra, bản án còn tuyên về chi phí xem xét thẩm định, định giá; án phí dân sự sơ thẩm; quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, nguyên đơn ông Đoàn Văn P kháng cáo bản án sơ thẩm. Nội dung kháng cáo: Yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông Đoàn Văn L trả lại phần đất có diện tích là 2550m² tại thửa 1675; địa chỉ tại Khu vực A, phường B, thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử Tòa án cấp phúc thẩm đã tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết theo quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồng Minh H, Đoàn Thị H, Đoàn Thị Y, Dương Thanh T, Đoàn Thị C, Đồng Thị C, Đoàn Thị N, Đoàn Thị Bé U, Đoàn Thị T, Đoàn Thị T, Đoàn Thị P, Đoàn Ngọc M, Đoàn Văn V, Đoàn Văn V1, xét thấy các đương sự có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn ông Đoàn Văn P kháng cáo đúng theo quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[4] Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Văn P, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về nguồn gốc đất: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Đoàn Văn P, ông Đoàn Văn L, ông Đoàn Văn T, bà Đoàn Thị Đ, bà Đoàn Thị E đều thừa nhận phần đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông Đoàn Văn Y (mất ngày 15/7/1995) và bà Huỳnh Thị T (mất ngày 19/7/2006) là cha mẹ của các đương sự. Đồng thời các đương sự đều thừa nhận đối với phần đất tranh chấp là do ông bà để lại cho ông Y, bà T và thời điểm ông Y, bà T còn sống thì ông Y, bà T chưa đi đăng ký kê khai cũng như chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất này.

[4.2] Về trình tự, thủ tục cấp giấy:

Theo mảnh trích đo đạc số 119/TTKTTNMT ngày 07/9/2018 của Trung tâm kỹ thuật Tài nguyên môi trường tỉnh Hậu Giang thì phần đất tranh chấp giữa các đương sự thuộc thửa 1675 có diện tích 2.550m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P. Mặc dù, tại công văn số 2343/UBND ngày 17/8/2018 của Ủy ban nhân dân thị xã C (Bút lục số 125-126) xác định về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông P là đúng. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm ông P và người đại diện theo ủy quyền của ông P thừa nhận vào thời điểm năm 1994 cha mẹ ông có yêu cầu ông đi đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo chủ trương của Nhà nước, nhưng do thời điểm năm 1994 thì cha ông đã 69 tuổi, không thể đi kê khai đăng ký quyền sử dụng đất, nên ông đã tự làm đơn kê khai tên ông P đối với các thửa đất số 1675, 1969, 1982, 1985, 2455, 2006; đến ngày 22/8/1995 thì ông được Ủy ban nhân dân huyện G cũ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000184 tại các thửa 1675, 1969, 1982, 1985, 2455, 2006. Đồng thời, ông P cũng thừa nhận trong đơn xin đăng ký ngày 13/11/1994 thì ông P khai nguồn gốc đất là đất gốc nhưng thực tế phần đất này là của ông Y, bà T và việc ông P tự ý kê khai quyền sử dụng đất bằng tên ông đối với phần đất của ông Y, bà T là chưa có ý kiến của ông Y, bà T. Tại phiên tòa ông P và người đại diện theo ủy quyền của ông P không cung cấp được tài liệu, giấy tờ gì để chứng minh sự đồng ý của ông Y, bà T về phần đất tranh chấp. Hơn nữa, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các đương sự không xác định vị trí thửa đất, đến khi Nhà nước có chủ trương cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì các đương sự mới biết và phát sinh tranh chấp phần đất này đến nay. Như vậy, việc ông P đăng ký kê khai và

được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp là chưa đảm bảo về trình tự thủ tục theo quy định pháp luật.

[4.3] Ông P cho rằng ông được cha mẹ cho đất vào năm 1987 và năm 1995 thì ông cho bà T mượn phần đất tranh chấp tại thửa 1675 để canh tác nhưng ông không có giấy tờ chứng minh. Đồng thời, qua đối chiếu lời khai của ông P về việc cho bà T thuê đất có sự mâu thuẫn. Bởi lẽ, tại đơn khởi kiện đề ngày 03/7/2017 ông P trình bày năm 2004 ông cho ông L thuê phần đất tranh chấp với giá 10 gia lúa/năm, ông L có đóng lúa cho ông được 03 năm, nhưng trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa ông lại trình bày năm 1995 đã cho bà T mượn làm nhưng do bà T tuổi đã cao, không còn đủ sức lao động nên bà T đã cho ông L thuê lại đóng lúa cho bà T mỗi năm 10 gia lúa, ông P có biết việc bà T cho ông L thuê đất nhưng ông không có ý kiến gì. Như vậy, việc ông P cho rằng phần đất tranh chấp ông được cha mẹ cho là không có cơ sở.

[4.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông L cho rằng sau khi ông Y mất năm 1995 thì đến năm 1996 do mẹ ông tuổi già sức yếu nên đã chuyển nhượng cho ông phần đất 1.300m² với giá 06 chỉ vàng 24K và cho ông thuê 1.000m² mỗi năm 10 gia lúa. Mặc dù, quá trình thu thập chứng cứ các đương sự đều thừa nhận từ thời điểm năm 1997 đến nay ông P không có canh tác đối với phần đất tranh chấp mà là do ông L canh tác liên tục. Qua xem xét các lời khai của ông Đoàn Văn T, bà Đoàn Thị E, bà Đoàn Thị Đ, bà Đoàn Thị H, bà Đoàn Thị C, bà Đoàn Thị Y là anh em ruột với ông P và ông L đều trình bày khi bà T còn sống có nghe bà T nói sang phần đất 1.300m² cho ông L với giá 06 chỉ vàng 24k, riêng ông T, bà E, bà Y khai rằng trực tiếp thấy ông L giao vàng cho bà T. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, ông L xác định khi ông sang đất của bà T thì vợ ông là người trực tiếp giao vàng cho bà T, giao một lần 06 chỉ, còn bà E thì khai rằng bà là người trực tiếp chứng kiến ông L giao vàng cho bà T, giao 02 lần mỗi lần 03 chỉ vàng (Bút lục số 49). Như vậy, lời khai của các đương sự có sự mâu thuẫn và ông L không có chứng cứ chứng minh việc bà T chuyển nhượng cho ông phần đất 1.300m² với giá 06 chỉ vàng 24K; Do đó, việc ông L cho rằng ông sang phần đất 1.300m² của bà T là không có cơ sở.

[4.5] Ông P và ông L đều thừa nhận nguồn gốc đất là của ông Y và bà T. Ông Y chết ngày 15/7/1995, khi ông Y chết đã phát sinh quyền thừa kế đối với hàng thừa kế của ông Y, trong khi ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 20/8/1995. Tại phiên tòa ông T, bà E, bà Đ đều trình bày là không

biết lý do vì sao ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp. Như vậy, việc ông P đăng ký kê khai đối với phần đất tranh chấp là chưa có sự đồng ý của các hàng thừa kế của ông Y. Do đó, việc ông P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng. Còn đối với việc ông L trình bày sau khi ông Y chết thì năm 1996 bà T có sang cho ông 01 công tằm lớn 1.300m² và để lại cho ông 1.000m² để thờ cúng ông ngoại là không có căn cứ. Bởi vì, khi ông Y chết năm 1995 thì đã phát sinh quyền thừa kế giữa bà T với các con của ông Y, bà T, nên bà T chỉ được hưởng một phần trong phần đất tranh chấp, bà không có quyền định đoạt toàn bộ phần đất tranh chấp, mặt khác các con của ông Y, bà T cũng chưa có văn bản thống nhất để lại toàn bộ phần đất tranh chấp cho bà T nhưng bà T tự ý định đoạt toàn bộ phần đất cho ông L là không đúng. Từ những nhận định trên cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp là di sản thừa kế của ông Y, bà T để lại nên không chấp nhận yêu cầu của ông P và ông L là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn ông Đoàn Văn P phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, Điều 148, Điều 228 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 2, Điều 73, Điều 79 của Luật đất đai năm 1993;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Đoàn Văn P.
2. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 165/2019/DS-ST ngày 18 tháng 9 năm 2019 của Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Hậu Giang.
3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đoàn Văn P về việc yêu cầu bị đơn ông Đoàn Văn L trả lại phần đất tranh chấp có diện tích 2.550m².

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đoàn Văn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), khấu trừ 3.187.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0012243 ngày 18/12/2017. Ông Đoàn Văn P được nhận lại 2.887.000 đồng (Hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Hậu Giang.

5. Chi phí xem xét thẩm định, định giá: Ông Đoàn Văn P phải chịu 7.912.100 đồng (Bảy triệu chín trăm mười hai nghìn một trăm đồng) đã nộp xong.

6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Văn P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), khấu trừ tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0000592 ngày 02/10/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Hậu Giang thành tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ngày 12/3/2020.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND TX. C;
- Chi cục THADS TX. C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Văn Luông